TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DSST
Ngày: 22/11/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Diễn, ông Nguyễn Văn Tuấn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thế Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 14/10/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-DS ngày 25/10/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Thị T, sinh năm: 1968 (Có mặt tại phiên tòa)

Nơi cư trú: Số nhà 58 đường B, thị trấn Gi, huyện Gi, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn*: 1. Bà Hoàng Thị L, sinh năm: 1963

2. Ông Nguyễn Văn Ngh, sinh năm: 1960

Đều cư trú: Thôn Đ, thị trấn Gi, huyện Gi, tỉnh Bắc Ninh (Đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các tài liệu có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa nguyên đơn là Bà Trịnh Thị T trình bày:

Bà với bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn Ngh có quen biết với nhau vào ngày 14 tháng 09 năm 2018 (âm lịch) bà có cho bà L và ông Ngh vay số tiền là 500.000.000đ, khi đến vay tiền thì cả bà L và ông Ngh cùng đến vay và nhận tiền tại nhà bà, sau khi nhận tiền bà L và ông Ngh có viết giấy biên nhận vay tiền, về lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 1%/tháng, về thời gian thanh toán hai bên thỏa thuận khi nào bà cần tiền thì báo trước thì bà L và ông Ngh sẽ thanh toán trả cho bà, tiếp đó vào ngày 26 tháng 12 năm 2018 (âm lịch) bà lại cho ông Ngh vay số tiền là 10.000.000đ, khi vay ông Ngh có viết giấy biên nhận vay tiền, về lãi suất hai bên thỏa thuận không tính lãi, về thời gian thanh toán hai bên thỏa thuận khi nào bà cần tiền thì báo trước thì ông Ngh sẽ thanh toán trả cho bà. Tổng cộng 2 lần vay là 510.000.000đ. Khi bà cần đến tiền có vào đòi nhiều lần nhưng bà L và ông Ngh không thanh toán trả cho bà. Từ khi vay cho đến nay bà L và ông Ngh mới

thanh toán được tiền lãi của 500.000.000đ cho đến hết tháng 8/2019, còn tiền lãi của 500.000.000đ từ tháng 9/2019 và tiền gốc cho đến nay bà L và ông Ngh chưa thanh toán cho bà.

Nay bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh buộc bà L và ông Ngh phải thanh toán cho bà tổng số tiền cả gốc và lãi là 630.000.000đ (trong đó số tiền gốc là 510.000.000đ và tiền lãi của 500.000.000đ là 120.000.000đ).

Khi vay tiền bà thì bà L và ông Ngh có thế chấp sổ đỏ cho bà, nhưng sau đó ông Ngh lại mượn lại sổ đỏ đã thế chấp cho bà và hẹn đến 27/3/2019 (âm lịch) sẽ trả lại cho bà, nhưng từ đó đến nay ông Ngh vẫn không trả sổ đỏ mà ông Ngh đã mượn lại của bà. Nay bà không đề nghị Tòa án giải quyết việc thế chấp sổ đỏ của bà L và ông Ngh cho bà.

**Bị đơn bà L và ông Ngh trình bày:*

Vào ngày 10/5/2016 bà L có ra nhà bà T vay số tiền là 20.000.000đ, khi vay có viết giấy nhận nợ và không có ký thế chấp tài sản khác với lãi suất là 5.000đ/1triệu/1ngày, do hoàn cảnh khó khăn nên bà chưa trả được cho bà T, nên cứ một thời gian bà T lại gọi bà ra viết giấy nhận nợ mới, 06 tháng đầu tiên tính cả gốc và lãi thành 26.000.000đ, 06 tháng tiếp theo là 49.400.000đ, 06 tháng tiếp theo là 93.860.000đ bao gồm cả gốc và lãi cộng vào, mỗi lần bà ra viết giấy nhận nợ là bà T lại đọc cho bà viết theo, do bất cẩn và không suy nghĩ nên bà mới làm như vậy, khi viết xong giấy vay nợ bà T không cho bà mang giấy tờ gốc về, và mỗi lần bà ra viết giấy mới thì bà T lại xé tờ cũ đi. Đến ngày 14/9/2018 bà T có gọi bà ra viết giấy nhận nợ mới với tổng số tiền là 500.000.000đ, cũng như lần trước bà T lại đọc cho bà viết, khi viết xong bà T cũng lại xé tờ giấy nợ trước đi, khi gặp nhiều khó khăn túng quẫn nên bà mới làm như vậy. Do bà chủ qun không nói gì với chồng và các con bà biết. Từ khi bà viết xong giấy vay nợ với số tiền là 500.000.000đ thì hàng tháng bà T đến nhà đòi tiền lãi thì bà có trả cho bà T có tháng thì 1 triệu, có tháng thì 2 triệu, khi những tháng tôi khó khăn chưa trả lãi được. Hôm bà ấy vào nhà bà đòi tiền thì gặp chồng bà vừa đi uống rượu về thì chồng bà bảo là anh chưa có tiền, anh đang còn phải đi vay để trả nợ thì bà T lại còn bảo anh ra em cho vay 10.000.000 (Mười triệu đồng) và nói rằng: em không lấy lãi 03 tháng. Khi nói xong, bà T có gấp đôi giấy vay tiền của bà vào và bảo chồng bà viết vào đằng sau tờ giấy nhận nợ của tôi trước đó là có thế chấp sổ đỏ, chồng bà không đọc gì cả, cứ viết những gì bà ấy đọc.

Đến năm 2021, vợ chồng bà có khó khăn nên hàng tháng không trả được lãi thế là bà T làm đơn khởi kiện vợ chồng bà.Có cái giấy biên nhận trong giấy vay vợ chồng bà là thế chấp sổ bìa đỏ nhưng sự thực là không có sổ bìa đỏ vì sổ bìa đỏ của bà có đưa cho cháu Nguyễn Văn T là con trai của anh Nguyễn Văn V để làm thủ tục tách đất trả lại cho anh V do bố đẻ của chồng bà để lại vào cùng sổ bìa đỏ của vợ chồng bà có 25m mặt đường. Vợ chồng bà có cung tiến cho chùa Đông Bình và bán đi hơn 10m chỉ còn 1,5m làm lối đi vào trong nhà. Vợ chồng bà cũng đã trả cho con trai lớn tên là Nguyễn Văn X năm 2018 để làm lối đi vào nhà cháu. Hiện tại chỉ có hai vợ chồng bà đang ở nhà của cháu Tuế, đến khi nào cháu sử dụng đến

là bà phải trả có giấy tờ cam kết, với diện tích còn lại của anh V là hơn 12m. Thực tế giờ vợ chồng bà không có gì và không còn gì nữa.

Nay bà T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh buộc bà và ông Ngh phải thanh toán cho bà T số tiền gốc là 510.000.000đ và 50.000.000đ tiền lãi tạm tính đến ngày 19/6/2020 thì bà L và ông Ngh đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết. Về việc thế chấp sổ đỏ giữa vợ chồng bà L và ông Ngh với bà T, nay bà T không yêu cầu giải quyết nên bà L và ông Ngh cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng, Toà án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật. Việc ra các văn bản tố tụng, cũng như các thủ tục tố tụng tại phiên toà đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là bà Trịnh Thị T và bị đơn là bà Hoàng Thị L, ông Nguyễn Văn Ngh chấp hành đúng các quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 70,71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 466 và Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37; Điều 45 luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà L và ông Ngh phải có nghĩa vụ trả bà Trịnh Thị T tổng số tiền là 603.750.000đồng. Ngoài ra ông Nguyễn Văn Ngh còn phải trả bà Trịnh Thị T số tiền là 10.000.000đ.

2. Án phí: Bà Trịnh Thị T, bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn Ngh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Toà án và về đường lối giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là bà Trịnh Thị T, có đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn Ngh có hộ khẩu thường trú tại thôn Đông Bình, thị trấn Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, do có quan hệ quen biết với nhau nên vào năm 2018 bà T đã cho bà L và ông Ngh vay 2 lần với tổng số tiền là 510.000.000đ, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 14 tháng 09 năm 2018 (âm lịch) bà có cho bà L và ông Ngh vay số tiền là 500.000.000đ, khi vay bà L và ông Ngh có viết giấy biên nhận vay tiền, về lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 1%/tháng, về thời gian thanh toán hai bên thỏa thuận khi nào bà cần tiền thì báo trước thì bà L và ông Ngh sẽ thanh toán trả cho bà T.

Lần 2: Vào ngày 26 tháng 12 năm 2018 (âm lịch) bà cho ông Ngh vay số tiền là 10.000.000đ, khi đến vay tiền thì chỉ có một mình ông Ngh đến vay và nhận tiền tại nhà bà, sau khi nhận tiền ông Ngh có viết giấy biên nhận vay tiền, về lãi suất hai bên thỏa thuận không tính lãi, về thời gian thanh toán hai bên thỏa thuận khi nào bà cần tiền thì báo trước thì ông Ngh sẽ thanh toán trả cho bà T.

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay bà L và ông Ngh xác định mới trả được cho bà Tiền được khoản tiền lãi nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu tháng và bao nhiêu tiền, còn phía bà T cho rằng từ khi vay cho đến nay bà L và ông Ngh đã thanh toán được khoản tiền lãi cho bà T đến 13/9/2019, số tiền gốc và lãi từ 14/9/2019 cho đến nay bà L và ông Ngh vẫn chưa thanh toán được cho bà T nên bà T đề nghị Tòa án buộc bà L và ông Ngh phải thanh toán cho bà tổng số tiền cả gốc và lãi là 630.000.000đ (trong đó nợ gốc là 510.000.000đ và tiền lãi là 120.000.000đ), xét đề nghị của bà T thì thấy rằng việc bà T cho bà L và ông Ngh vay số tiền gốc là 500.000.000đ, ngoài ra bà T còn cho ông Ngh vay số tiền là 10.000..000đ, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong giai đoạn xét xử bà T có giao nộp cho Tòa án 02 giấy biên nhận vay tiền có chữ ký của bà L và ông Ngh, tại phiên tòa bà L và ông Ngh cũng đã thừa nhận chữ ký trên các giấy biên nhận vay tiền là của bà L và ông Ngh, cũng tại phiên tòa bà L và ông Ngh cho rằng bà L ban đầu chỉ vay của bà T số tiền là 20.000.000đ, khi vay có viết giấy nhận nợ và không có ký thế chấp tài sản khác với lãi suất là 5.000đ/1triệu/1ngày, do hoàn cảnh khó khăn nên bà L chưa trả được cho bà T, nên cứ một thời gian bà T lại gọi bà L ra viết giấy nhận nợ mới, 06 tháng đầu tiên tính cả gốc và lãi thành 26.000.000đ, 06 tháng tiếp theo là 49.400.000đ, 06 tháng tiếp theo là 93.860.000đ bao gồm cả gốc và lãi cộng vào, mỗi lần bà L ra viết giấy nhận nợ là bà T lại đọc cho bà L viết theo, khi viết xong giấy vay nợ bà T không cho bà L mang giấy tờ gốc về mà mỗi lần bà L ra viết giấy mới thì bà T lại xé giấy vay cũ đi. Đến ngày 14/9/2018 bà T có gọi bà L ra viết giấy nhận nợ mới với tổng số tiền là 500.000.000đ, sau đó một thời gian bà T mới mang vào bảo ông Ngh ký vào giấy vay tiền, do ông Ngh say rượu không để ý nên đã ký nhận vào giấy vay tiền mà bà T đưa cho ông Ngh, nhưng bà L và ông Ngh không đưa ra được chứng cứ chứng minh nào cho lời trình bày của mình và cũng không xuất trình được các giấy tờ chứng minh việc đã thanh toán trả khoản nợ gốc cho bà T. Do vậy lời đề nghị của bà T là có căn cứ nên cần được chấp nhận và buộc bà L và ông Ngh phải có trách nhiệm trả bà T số nợ gốc là

500.000.000đ, ngoài ra ông Ngh còn xác định có vay của bà T số tiền là 10.000.000đ hiện chưa trả, tại phiên tòa bà T đề nghị ông Ngh phải thanh toán cho bà khoản nợ trên, phía bà L xác định khoản tiền trên ông Ngh vay riêng nên ông Ngh phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà T, do vậy cần buộc ông Ngh phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà T số tiền mà ông vay của bà T 10.000.000đ là phù hợp.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi tại phiên tòa bà T yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng đối với số nợ gốc 500.000.000đ, phát sinh kể từ ngày14/9/2019 (âm lịch), cho đến ngày 22/11/2021 (tức ngày 18/10/2021 âm lịch) làm tròn là 25 tháng và bà T tính số tiền lãi là 120.000.000đ, bà L và ông Ngh không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà T. Xét giấy vay nợ có thể hiện về việc bà T và bà L, ông Ngh có thỏa thuận với nhau về lãi suất nhưng không thể hiện rõ cụ thể lãi suất là bao nhiêu %. Do tại phiên tòa các bên có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất sẽ được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, mức lãi suất được tính không vượt quá 50% của mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 quy định trường hợp các bên có thỏa thuận với nhau về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản vay. Chính vì vậy việc bà T đề nghị bà L và ông Ngh phải thanh toán cho bà T khoản tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng là không có căn cứ để chấp nhận mà chỉ chấp nhận buộc bà L và ông Ngh phải thanh toan cho bà T khoản tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với 0,83%/tháng cụ thể như sau: 25 tháng x 0,83% x 500.000.000 = 103.750.000đ, là phù hợp.

[2.3] Khi vay tiền bà T thì bà L và ông Ngh có ghi trên giấy biên nhận vay tiền có thế chấp sổ đỏ Hoàng Thị L Nghìn cho bà T, nhưng sau đó ông Ngh lại mượn lại sổ đỏ đã thế chấp cho bà T và hẹn đến 27/3/2019 (âm lịch) sẽ trả lại cho bà T, điều này được thể hiện đằng sau giấy biên nhận vay tiền của bà L và ông Ngh viết cho bà T, nhưng từ đó đến nay ông Ngh vẫn chưa trả lại cho bà T như giấy ông Ngh đã viết với bà T. Tại phiên tòa hôm nay bà T, bà L và ông Ngh đều không đề nghị Tòa án giải quyết việc thế chấp sổ đỏ của bà L và ông Ngh đã thế chấp cho bà T. Do vậy Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét giải quyết.

[2.4] Đối với sổ đỏ mà bà L và ông Ngh đã thế chấp cho bà T do hiện nay ông Ngh vẫn đang quản lý, do vậy khi buộc bà L và ông Ngh phải thanh toán trả cho bà T tổng số tiền cả gốc và lãi là 603.750.000đ (Sáu trăm linh ba triệu bảy trăm lăm mươi đồng) thì không buộc bà T phải trả lại sổ đỏ cho bà L và ông Ngh.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn là bà Trịnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần đề nghị không được chấp nhận theo quy định của pháp luật, bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn Ngh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 429; Điều 463; Điều 466 và Điều

468, Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37; Điều 45 luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T buộc bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn Ngh phải có trách nhiệm trả bà Trịnh Thị T số tiền cả gốc và lãi là 603.750.000đ (Sáu trăm linh ba triệu bảy trăm lăm mươi đồng), ngoài ra ông Nguyễn Văn Ngh còn phải trả bà Trịnh Thị T số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. ***Về án phí:*** Bà Hoàng Thị L và ông Nguyễn Văn Ngh phải chịu 30.187.500đồng án phí dân sự sơ thẩm, ngoài ra ông Nguyễn Văn Ngh còn phải chịu 500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trịnh Thị T phải chịu 850.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 13.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0002075 ngày 13/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Bình;.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Gia Bình;
- Chi cục THADS huyện Gia Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam